



THE GOLDEN
GROUP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

<http://thegoldengroup.vn>

T4/2026

MỤC LỤC

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Tổ chức và nhân sự
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ủy ban kiểm toán
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



1

THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh
- ❖ Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Số điện thoại : (028) 7777 9999

Giấy chứng nhận đăng ký : 0105787835 đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012, thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2025

Website : <https://thegoldengroup.vn/>

Vốn điều lệ : 272.999.900.000 đồng

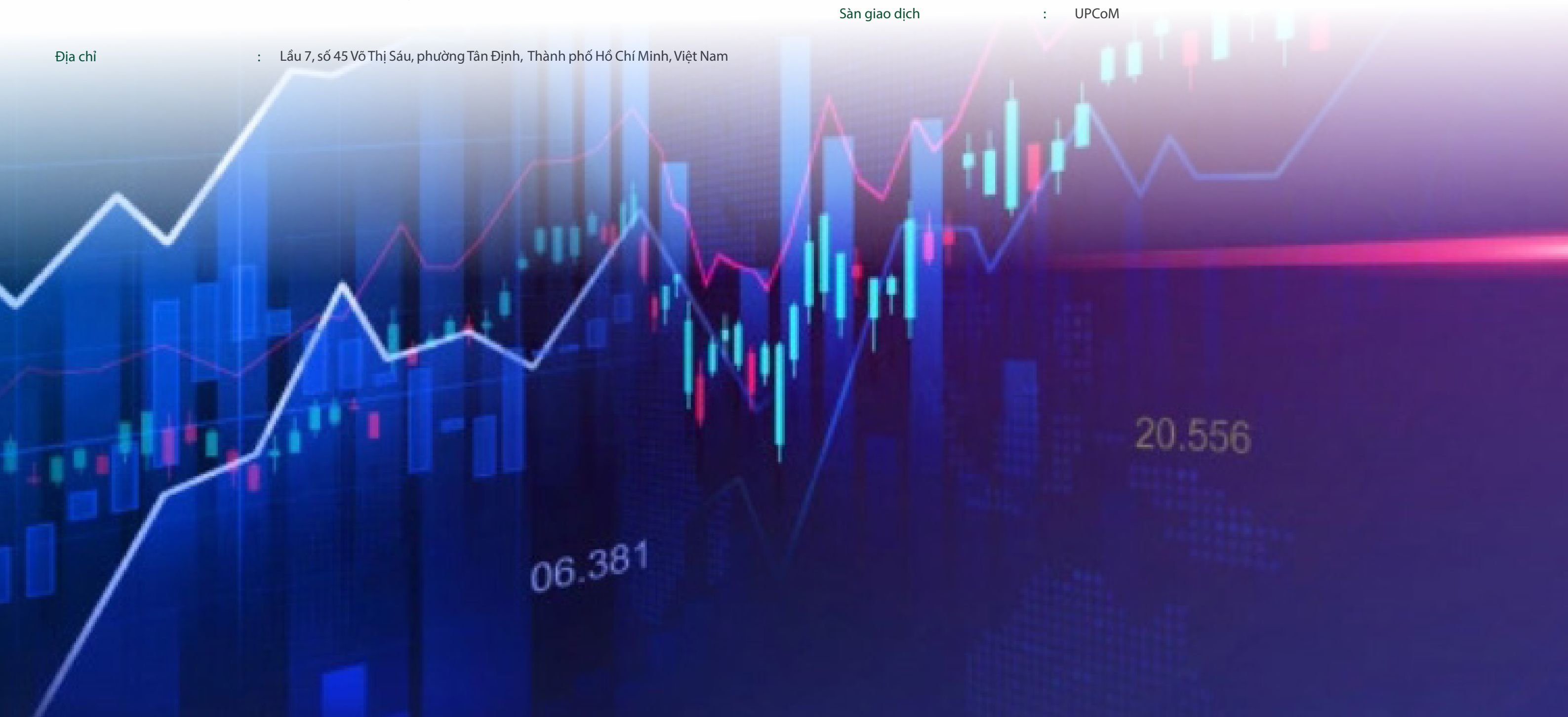
Email : info@thegoldengroup.vn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 272.999.900.000 đồng

Mã cổ phiếu : TGG

Địa chỉ : Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sàn giao dịch : UPCoM





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

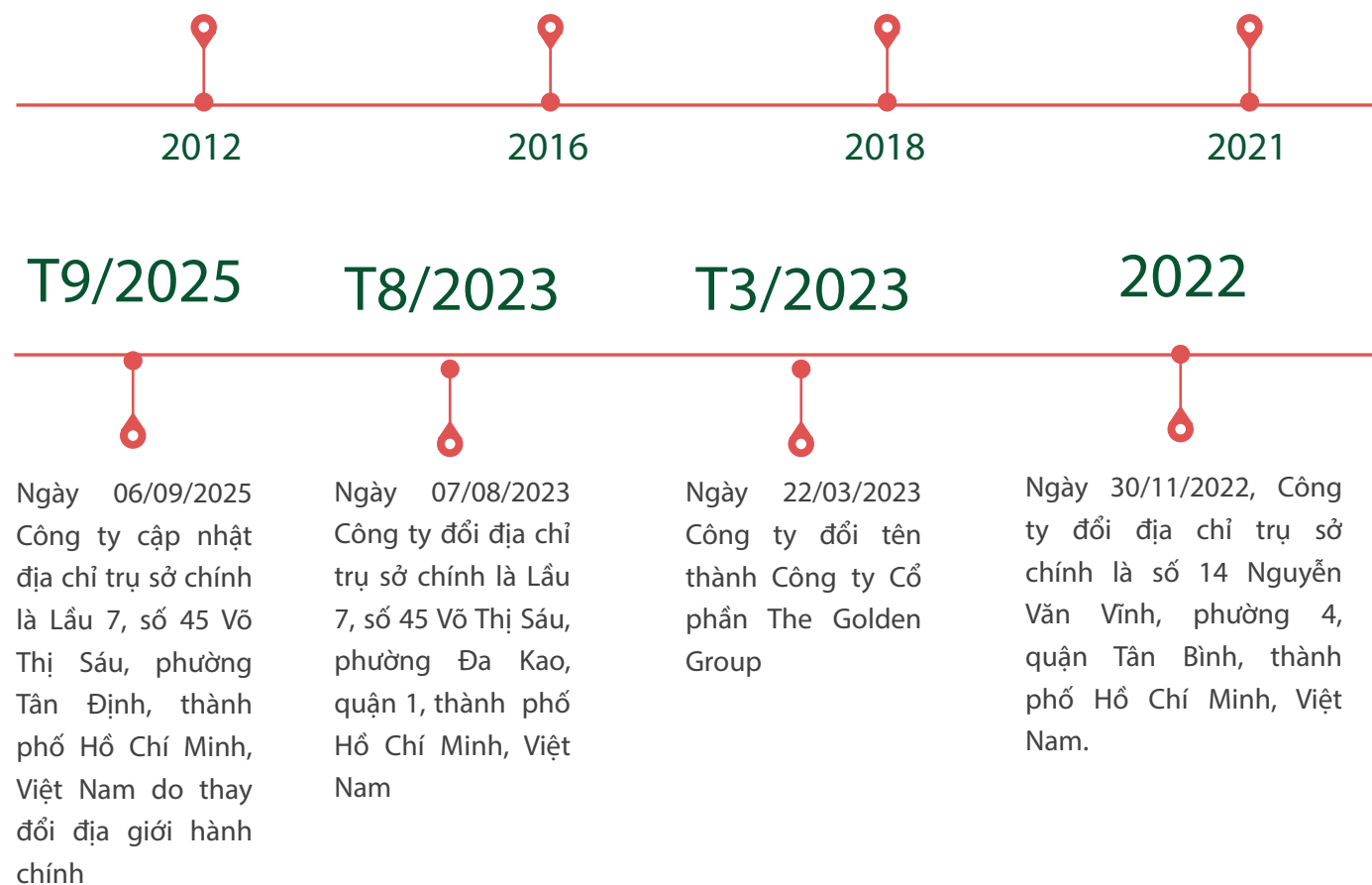
Ngày 10/12/2012, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang được thành lập với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

Ngày 09/05/2016, Công ty nâng vốn điều lệ lên 260 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Công ty niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Công ty tăng mức vốn điều lệ lên 272.999.900.000 đồng thông qua hình thức phát hành để chi trả cổ tức.

Ngày 23/07/2021, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Louis Capital.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh



Các lĩnh vực hoạt động chính

- » Tư vấn quản lý
- » Sát nhập và mua bán doanh nghiệp

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần The Golden Group hoạt động chủ yếu ở khu vực phía Nam Việt Nam.





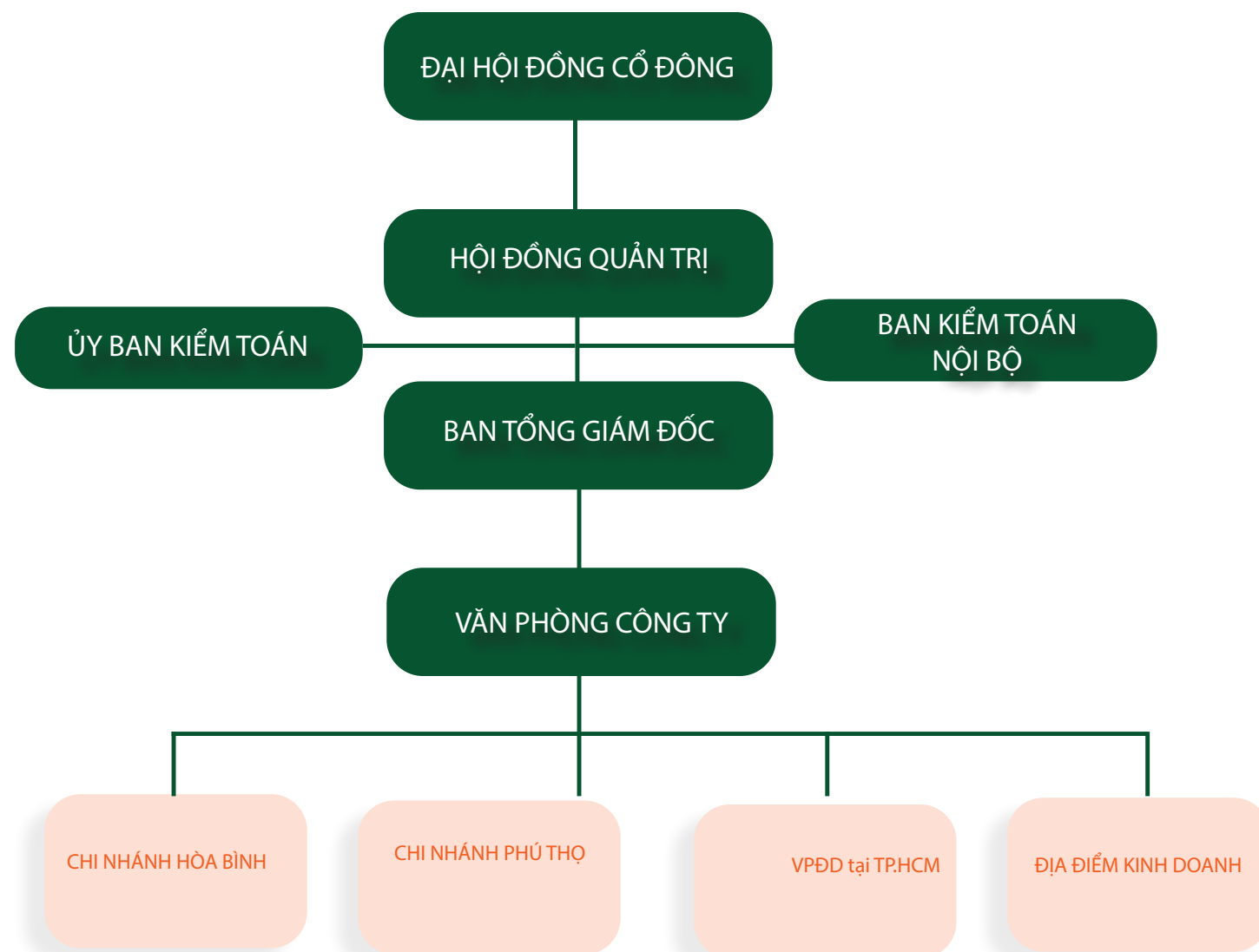
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần The Golden Group hoạt động theo mô hình quản trị được quy định theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ với các cấp như sau:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- Hội đồng quản trị (HĐQT)
- Ủy ban kiểm toán (UBKT)
- Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các Công ty con, Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	VĐL thực góp của TGG (Triệu đồng)
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, TP.HCM	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	100%	2.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	Hoạt động dịch vụ tài chính	79,8%	88.700
3	Công ty TNHH Agimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang	Mua bán xe máy	51%	51.000
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, TP.HCM	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng, tư vấn đầu tư	35,65%	23.532

Danh sách các chi nhánh

STT	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Louis Capital - Trang Trại Hòa Bình	Hòa Bình	Chăn nuôi
2	Chi Nhánh Phú Thọ - Công Ty Cổ Phần The Golden Group	Phú Thọ	Xây dựng
3	VPĐD tại TP.HCM - Công Ty Cổ Phần The Golden Group	TP.HCM	Đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ cho các lợi ích đó
4	Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ Phần The Golden Group	TP.HCM	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

The Golden Group định hướng phát triển thành một Tập đoàn đa ngành, hướng tới các thương vụ hợp tác mới, trở thành đối tác M&A đáng tin cậy, dẫn dắt các thương vụ tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông của Công ty.

SỨ MỆNH

The Golden Group hướng đến sứ mệnh kết nối vốn, cơ hội và chiến lược thông qua các thương vụ M&A minh bạch, hiệu quả, giúp doanh nghiệp và cổ đông đạt được lợi nhuận vượt trội, mục tiêu cuối cùng tạo ra những giá trị bền vững cho tương lai.

ĐỊNH VỊ

The Golden Group tạo nên một giá trị thương hiệu bằng sự hài lòng khách hàng. The Golden Group luôn xây dựng hệ thống quản lý vận hành doanh nghiệp hiện đại, sang trọng và gắn kết.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

The Golden Group luôn luôn đặt chữ “**TÍN – TÂM – TRÍ**” lên vị trí hàng đầu hoạt động doanh nghiệp, lấy chữ TÍN làm vũ khí cạnh tranh và TÂM làm nền tảng, TRÍ làm sức sống.



Để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững, ngoài những mục tiêu đã đề ra. Ban lãnh đạo TGG cũng cần phải có những chiến lược rõ ràng, cụ thể về trung và dài hạn như sau:

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, chi phí đầu ra nhằm tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp;
- Ngày càng chuyên môn hóa nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Mở rộng tham gia, hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn M&A nhằm tối đa hóa nguồn nhân lực Công ty;
- Xây dựng thương hiệu và uy tín trên thị trường nhằm tăng cường tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến các mục tiêu trách nhiệm đối với môi trường và an sinh xã hội như:

Đối với vấn đề bảo vệ môi trường

Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty luôn thực hiện giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty đã và đang đồng hành cùng cả nước trong việc chuyển đổi sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường.

Đối với xã hội

Công ty hướng đến phát triển kinh tế bền vững tạo ra những giá trị thật. Luôn đảm bảo quyền lợi cho nhân viên, trách nhiệm với khách hàng và đóng góp cho cộng đồng. Công ty nỗ lực thực hiện hoạt động vì cộng đồng và lan toả ảnh hưởng, thúc đẩy cá nhân luôn cùng tham gia vì một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, sự lên ngôi của AI, các chính sách kinh tế, chính trị, tiền tệ mới của các quốc gia lớn cũng đã làm ảnh hưởng to lớn đến nền kinh tế toàn cầu. Năm 2025, đánh dấu sự trở lại của "Nước Mỹ trên hết", thế giới đang phải đối mặt với đợt "khủng hoảng thuế quan" mới của Mỹ, cùng biện pháp trả đũa và nguy cơ đáp trả của các quốc gia đã đẩy nhanh quá trình dịch chuyển thương mại toàn cầu - từ cuộc đua tái cấu trúc cho đến giành lợi thế ở các tài nguyên chiến lược như đất hiếm và chip.

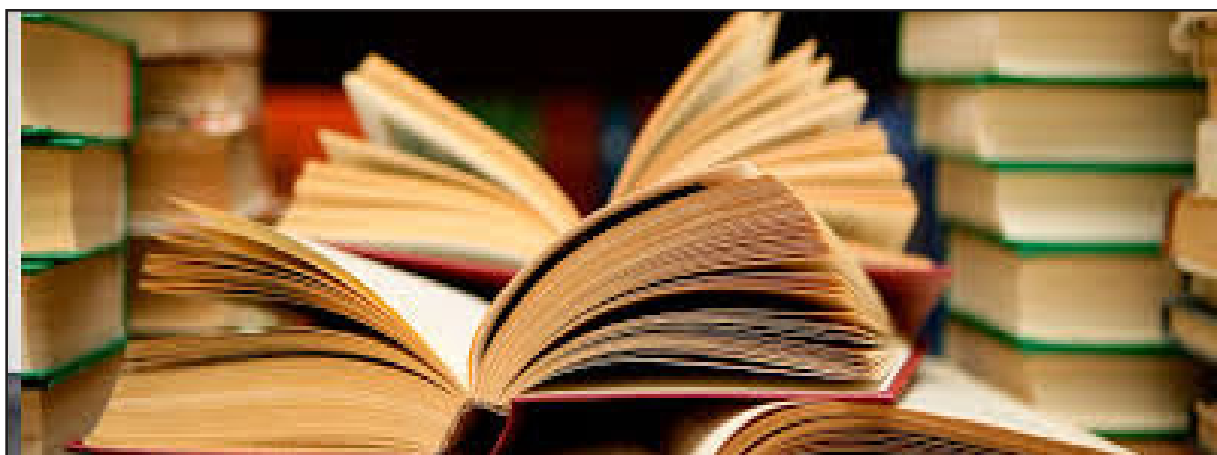
Thị trường tài chính cũng có những biến động mới, vàng và bạc hưởng lợi từ nhu cầu phòng ngừa rủi ro, liên tục lập đỉnh mới trong nhiều năm trở lại đây.

Về rủi ro trong nước, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với giải ngân đầu tư công chậm và không đồng đều, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn đang hiện hữu, áp lực từ giá đầu, hàng hóa trên thế giới và biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu, nhập khẩu và sức mua của Việt Nam.

Nhằm hạn chế tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn nỗ lực theo sát, đánh giá thị trường để kịp thời đưa ra các chính sách phù hợp với diễn biến thị trường.

Rủi ro pháp luật

TGG hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Chứng khoán,... Một khi các văn bản luật này thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ý thức được tầm quan trọng liên quan đến pháp lý, TGG luôn chủ động nắm bắt tình hình thay đổi các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời điều chỉnh hoạt động kinh doanh cho phù hợp.



Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất năm 2025 chủ yếu đến từ áp lực lạm phát trong nước, biến động tỷ giá hối đoái và sự không chắc chắn của chính sách tiền tệ toàn cầu. Các doanh nghiệp đối mặt với chi phí vốn cao, áp lực nợ vay tăng trong khi hệ thống ngân hàng cần kiểm soát thanh khoản khi lãi suất biến đổi mạnh.

Trong năm 2025, lãi suất vẫn còn nhiều biến động trong bối cảnh chính sách tiền tệ của nhiều nước đang thắt chặt để chống lại khủng hoảng lạm phát toàn cầu. Theo đó, TGG cần theo dõi biến động lãi suất trên thị trường nhằm điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm kiểm soát chi phí tài chính trong hoạt động kinh doanh của mình.



Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro chính, TGG còn phải chú ý đến các rủi ro bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Những rủi ro này tuy hiếm xảy ra nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động và sự ổn định của Công ty cũng như toàn xã hội. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng Công ty có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: Chính trị, thời tiết, xã hội,... Đồng thời, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy

định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, sơ tán và thường xuyên kiểm tra các thiết bị để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản ở mức thấp nhất. Đồng thời, thực hiện các phương án phòng ngừa giúp giảm thiểu các thiệt hại như lắp đặt các hệ thống cứu hỏa, tuyên truyền phòng cháy chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

Toàn cảnh năm 2025 là năm chuyển mình mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, tuy tình hình chiến sự trên thế giới vẫn còn căng thẳng, song tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức 8,02%, đưa quy mô nền kinh tế Việt Nam vào nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao. Năm 2025, được xem là năm bản lề, tạo tiền đề cho mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong giai đoạn 2026-2030. Trong năm qua, Công ty luôn nỗ lực thực hiện mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên đặt ra và đạt được kết quả như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH 2025/ KH 2025	% TH 2025/ TH 2024
1	Tổng giá trị tài sản	297.957	-	267.529	-	-11,37%
2	Doanh thu thuần	483.945	490.000	429.382	-14,12%	-12,71%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(15.699)	-	(12.892)	-	-21,77%
4	Lợi nhuận trước thuế	(15.215)	-	(10.043)	-	-51,50%
5	Lợi nhuận sau thuế	(17.481)	3.500	(10.973)	-131,90%	-59,31%

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		% 2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng hoá	430.062	88,87	417.000	97,12	-3,04%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.818	4,51	10.507	2,45	-51,84%
3	Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	2.160	0,45	2.160	0,50	-
4	Doanh thu bán BĐS đầu tư, tài sản mua sắm	30.170	6,23	-	-	-100%
5	Doanh thu khác	-	-	6	0,00	-
6	Hàng bán bị trả lại	(266)	(0,05)	(291)	(0,07)	9,40%
Tổng cộng		483.944	100	429.382	100	

Trong năm 2025, kết quả kinh doanh của Công ty đạt 87,63% mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, tuy lợi nhuận sau thuế không đạt được như kỳ vọng. Cụ thể:

- Tổng tài sản Công ty giảm từ 297 tỷ đồng xuống 267 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty thanh lý giảm hàng tồn kho, các khoản phải thu ngắn hạn cũng giảm tại công ty;
- Doanh thu thuần Công ty đạt mức 429 tỷ đồng, đạt 87,63% mục tiêu đề ra, doanh thu chủ yếu đến từ Công ty con là Công ty TNHH Angimex Furious, đóng góp gần như toàn bộ doanh thu cho Công ty;
- Lợi nhuận trước và sau thuế vẫn là số âm nhưng đã có bước chuyển mình, lợi nhuận trước và sau thuế đều ít lỗ hơn năm 2024, nguyên nhân do Công ty mẹ đã thoái vốn các Công ty con hoạt động kém hiệu quả;



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0	0%
2	Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	0	0	0%
3	Bà Trần Thị Thanh Loan	Kế toán trưởng	0	0	0%

Lý lịch Ban điều hành

Ông LÝ THANH NHÃ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 17/02/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Angimex Furious
- Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC

Quá trình công tác:

2015 - 2016 Trưởng Ban đầu tư Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)

2017 - 2018 Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây lắp Bà Rịa - Vũng Tàu (VRC)

2021 - Nay

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và tư vấn đầu tư (CIC)

T5/2023 - Nay

- Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty TNHH Angimex Furious

10/4/2023 - Nay

- Tổng giám đốc Công ty cổ phần The Golden Group

T12/2023 - Nay

- Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC

05/2026 - 01/2026

- Chủ tịch HĐQT CTCP HB Pharma

Ông VÕ KIM NGUYỄN - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 23/01/1991

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán tài chính

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi
- Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Titan BIDICO
- Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Tài chính Hồng Việt

Quá trình công tác

04/2017- Nay Giám đốc Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi

09/2017- Nay Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Titan Bidico

10/2019 - Nay Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Tài chính Hồng Việt

04/2014 – 10/2020 Trưởng phòng/Giám đốc đầu tư Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghiệp Bảo Thư

10/2020 – 06/2022 Trưởng Ban Quan hệ cổ đông Công ty cổ phần Louis Holdings

06/2021 – 12/2021 Người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Louis Capital

01/2022 - 04/2023 Người phụ trách quản trị Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

06/2022- 04/2024 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

22/07/2022 – 10/04/2023 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Golden Group

T12/2023 - T4/2025 Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

04/2023 – Nay Phó Tổng giám đốc, TV HĐQT Công ty cổ phần The Golden Group

06/2024 – T10/2025 Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH Angimex Furious



Bà TRẦN THỊ THANH LOAN - Kế toán trưởng

Ngày sinh: 03/01/1990

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị ngân hàng

Chức vụ tại các tổ chức khác:

Quá trình công tác

2013 - 2020 Kế toán Công ty cổ phần Mắt Bảo

2020 - 2024 Kế toán Công ty TNHH MTV Louis Rice

2024 - T5/2025 Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần The Golden Group

T5/2025 - nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần The Golden Group

T10/2025 - nay Trưởng BKS Công ty TNHH Angimex Furious

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Trần Thị Thanh Loan	Kế toán trưởng	16/05/2025	-

Số lượng cán bộ, nhân viên

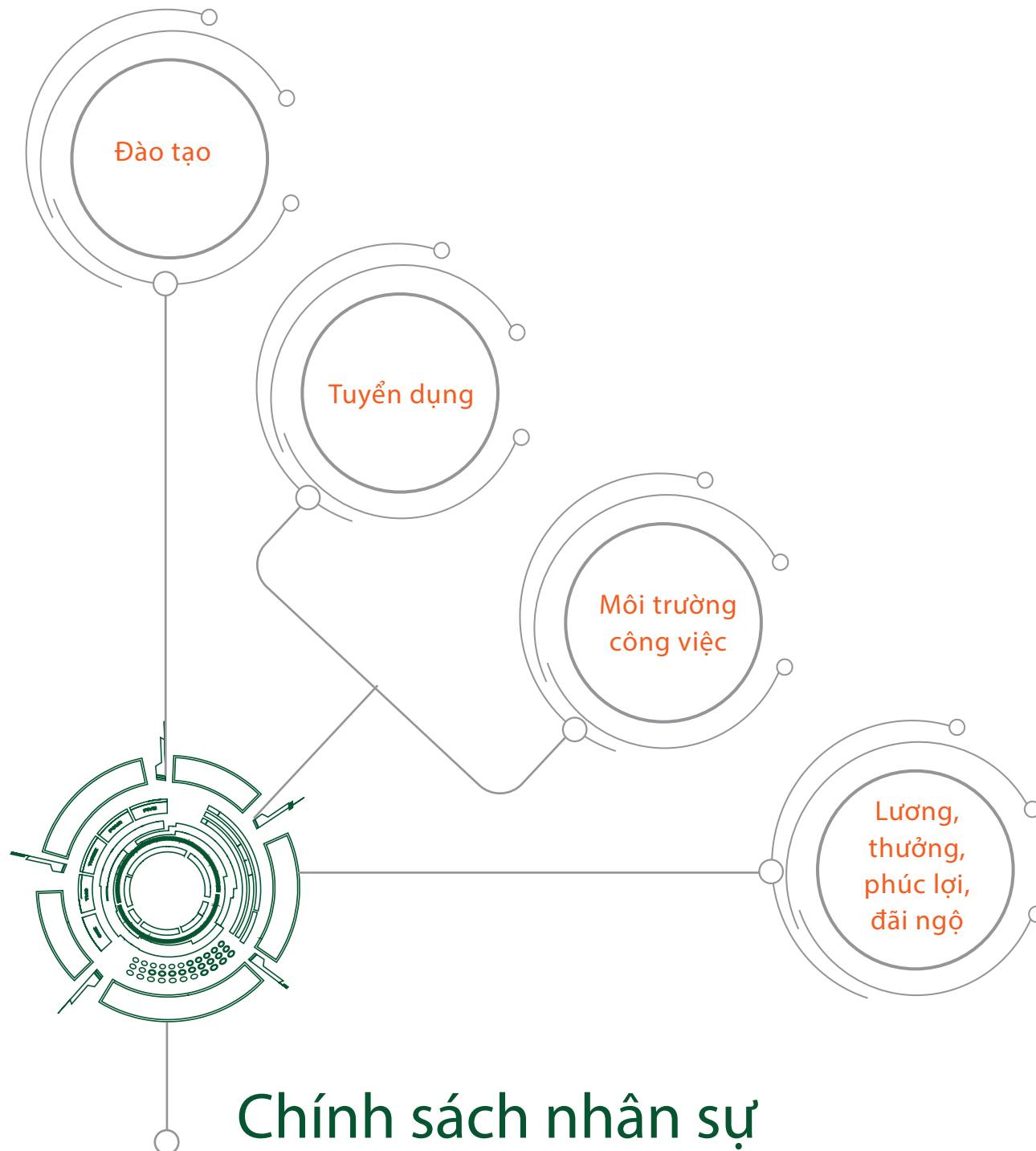
STT	Tính chất phân loại	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	6	100	4	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	5	83	4	100
2	Lao động phổ thông	1	17	0	0
B	Theo giới tính	6	100	4	100
1	Nam	4	67	3	75
2	Nữ	2	33	1	25
C	Theo thời hạn HĐLĐ	6	100	4	100
1	Vô thời hạn	1	17	1	25
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	5	83	3	75

Tổng cộng

Thu nhập bình quân

Năm	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/năm)	263.690.498đ	365.316.864đ





Về đào tạo

Nhân lực được TGG xem là chìa khóa quan trọng cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được Công ty kết hợp xen kẽ giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích của khóa đào tạo.



Về tuyển dụng

Công ty tích cực tuyển dụng nhân lực đáp ứng đầy đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như năng lực phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai và minh bạch.



Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo ra môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh, văn minh nơi mà mỗi nhân viên có thể học hỏi và phát triển bản thân. Để đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên, Công ty Cổ phần The Golden Group không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động gắn kết nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách hỗ trợ các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí, nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực và thân thiện.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

TGG luôn đảm bảo thực hiện tốt các quy định của Luật Lao động, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế như cho người lao động như: chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản... Công ty luôn cố gắng theo sát tiến độ làm việc của nhân viên để đảm bảo công bằng, công khai trong mọi chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực cho cán bộ nhân viên gắn bó lâu dài, Công ty đã cung cấp lộ trình thăng tiến rõ ràng cho nhân viên.

Ngoài ra, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho từng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc cũng như có những đóng góp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời Công ty chú trọng áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Các dự án đầu tư lớn của Công ty Cổ phần The Golden Group đang thực hiện đã tạm dừng hoạt động và Công ty đang lên kế hoạch thực hiện định hướng phát triển mới.

Tình hình tài chính các Công ty con

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	VĐL thực góp của TGG (Triệu đồng)
Công ty con					
1	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, TPHCM	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	100%	2.000
2	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	Hoạt động dịch vụ tài chính	79,8%	88.700
3	Công ty TNHH Agimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang	Mua bán xe máy	51%	51.000
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, TP.HCM	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng, tư vấn đầu tư	35,65%	23.52

Công ty con

Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	284	256	-9,86%
2	Doanh thu thuần	-	-	-
3	Giá vốn hàng bán	-	-	-
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,214	0,192	10,28%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	-	-	-
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-
7	Lợi nhuận khác	-	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	(1)	2	-300%
9	Lợi nhuận sau thuế	(1)	2	-300%

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	37.413	32.743	-15,16
2	Doanh thu thuần	32.330	2.160	-93,32
3	Giá vốn hàng bán	34.277	3.736	-89,10
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,645	720	111.527,91
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	5.505	1.205	-78,11
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(6.712)	(2.060)	-69,31
7	Lợi nhuận khác	(438)	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	(7.150)	(2.060)	-128,81
9	Lợi nhuận sau thuế	(7.150)	(2.060)	-128,81

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	%2025/2024
1	Tổng tài sản	186.025	165.570	-11
2	Doanh thu thuần	451.592	426.922	-5
3	Giá vốn hàng bán	403.350	387.522	-4
4	Doanh thu hoạt động tài chính	727	916	26
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	55.318	44.864	-19
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(6.349)	(4.578)	-28
7	Lợi nhuận khác	1.100	1.005	-9
8	Lợi nhuận trước thuế	(5.248)	(3.573)	-32
9	Lợi nhuận sau thuế	(5.248)	(3.573)	-32





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

TỔNG TÀI SẢN 2025	267.529	
DOANH THU THUẦN 2025	429.382	
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(12.892)	
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(10.043)	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(10.973)	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,42	1,51
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,61	0,86
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,40	0,37
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,67	0,60
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,45	5,78
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,71	1,52
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-0,04	-0,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-0,10	-0,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-0,06	-0,04
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	-0,03	-0,03



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

01

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tăng từ 1,42 lần lên 1,51 lần cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp đã được cải thiện nhẹ, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,61 lần lên 0,86 lần cho thấy tài sản của Công ty đang có tính thanh khoản cao. Tài sản ngắn hạn Công ty giảm nhẹ từ 143 tỷ đồng đầu năm xuống 124 tỷ đồng cuối năm, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã thoái vốn các Công ty con hoạt động kém hiệu quả, từ đó kéo theo các khoản nợ ngắn hạn cũng giảm xuống từ 101 tỷ ở đầu năm xuống 82 tỷ ở cuối năm tài chính.

03

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản có một số biến động trong năm 2025, lần lượt 6,45 xuống 5,78 vòng và 1,71 xuống 1,52 vòng. Nguyên nhân chính đến từ việc giá nguyên vật liệu tăng cao hoạt động kinh doanh của công ty cũng gặp những khó khăn nhất định.

02

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản và Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần The Golden Group đều giảm, lần lượt đạt ở mức 0,37% và 0,60% năm 2025. Tổng tài sản năm 2025 đạt 267 tỷ đồng giảm 30 tỷ đồng so với năm 2024. Nguyên nhân, trong năm 2025, Công ty đã mạnh tay thoái vốn các Công ty con hoạt động không hiệu quả, cùng với đó đã kéo theo thu hẹp ngành nghề, quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy lợi nhuận của Công ty ghi nhận lỗ trong năm tài chính 2025 nhưng Công ty cũng đã khắc phục được một số nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận không đạt như kỳ vọng.

04

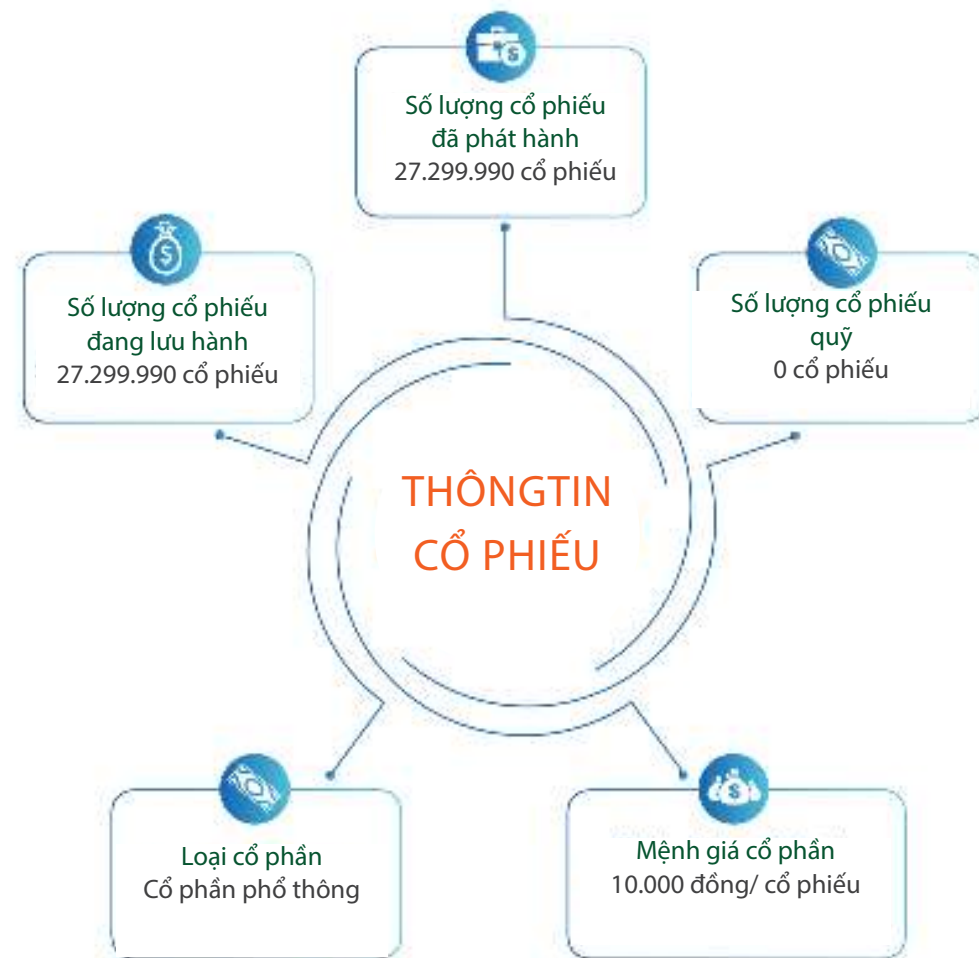
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2025, TGG đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế. Điều này khiến Lợi nhuận của Công ty trong năm ghi nhận lỗ và các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty không đạt hiệu quả. Nhận thấy, hoạt động đầu tư tại các Công ty con không được như kỳ vọng, Công ty đã mạnh tay thoái vốn ở 1 số Công ty không hiệu quả, không còn phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty. Dự kiến, trong tương lai Công ty sẽ nghiên cứu lại hoạt động đầu tư nhằm mang đến giá trị bền vững hơn cho doanh nghiệp.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Cơ cấu cổ đông: (Chốt ngày 31/12/2025)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	3.600	27.280.940	99,93%
1	Cá nhân	3.590	27.193.050	99,60%
2	Tổ chức	10	87.890	0,33%
II	Cổ đông nước ngoài	6	19.050	0,07%
1	Cá nhân	3	5.900	0,02%
2	Tổ chức	3	13.150	0,05%
Tổng cộng		3.606	27.299.990	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Danh sách cổ đông lớn: (Chốt ngày 31/12/2025)

Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Ông Ngô Quang Tuấn	18 103 Lô C Chung cư 190 Nguyễn Văn Hường, Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	2.900.000 cổ phiếu	10,62%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần The Golden Group không có sự thay đổi vốn điều lệ.

Báo cáo quá trình tăng vốn

ĐVT: Đồng

Thời điểm	Giá trị tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp	Hình thức tăng vốn
2012	-	100.000.000.000	Mức vốn điều lệ ban đầu
2016	160.000.000.000	260.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2018	12.999.900.000	272.999.900.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Mô hình hoạt động kinh doanh TGG về dịch vụ tài chính, nguồn nhân lực chủ yếu là con người. Do đó, tác động trực tiếp đến môi trường là rất ít. Việc sử dụng các nguồn năng lượng như điện, nước,... để phục vụ công việc tại văn phòng cũng tác động nhất định đến môi trường, gây ảnh hưởng đến hiệu ứng nhà kính. Nhận thấy được mức độ nghiêm trọng, toàn thể cán bộ công nhân viên luôn chủ động thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn năng lượng để bảo vệ môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào giữ vai trò quan trọng đối với mọi doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh có được thực hiện liên tục, trơn tru theo đúng kế hoạch hay không một phần nhờ vào yếu tố đầu vào. Đầu vào của TGG là con người, nguồn vốn, cơ sở hạ tầng... Do vậy, Ban lãnh đạo luôn chú trọng quan tâm, kiểm soát chặt chẽ các yếu tố đầu vào nhằm giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

Tiêu thụ năng lượng

TGG hoạt động chủ yếu theo mô hình dịch vụ tài chính, nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu như: điện năng, nước... Toàn thể cán bộ công nhân viên luôn chủ động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường thải ra bên ngoài.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thấy được tầm quan trọng của mình trong công tác bảo vệ môi trường, TGG đã thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường và cộng đồng trong quá trình hoạt động kinh doanh, cụ thể như:

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng;
- Tuân thủ các quy định của Chính phủ về bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng người lao động của Công ty trong năm 2025 duy trì ở mức 4 người với mức lương trung bình đạt 365 triệu đồng/người/năm.

Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài, thực hiện quy chế trả lương và chính sách phúc lợi tuân theo các quy định rõ ràng của Công ty dựa theo cấp bậc và năng suất làm việc của mỗi nhân viên, đồng thời thực hiện các chính sách khen thưởng nhân viên đạt thành tích tốt trong công việc. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật lao động.

Công ty tập trung bổ sung đội ngũ nhân lực phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty. Xem xét, đề cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tích cực trong các hoạt động phong trào tại địa phương như: Ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, xây dựng các quỹ khuyến học, ủng hộ kinh phí xây trường học cho các xã nghèo vùng sâu vùng xa, thăm hỏi và giúp đỡ các cán bộ nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn... thông qua hoạt động tại các Công ty con. Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn, không gây hại đến sức khỏe và tính mạng cho người lao động, đối tác, khách hàng và cộng đồng.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. TGG luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ❖ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ❖ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- ❖ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



- Nhờ sự thống nhất trong công tác điều hành, phối hợp tốt giữa HĐQT và Ban Điều hành giúp cho các quyết định các chính sách được nhanh chóng và kịp thời.
- Công ty có đội ngũ cán bộ - công nhân kỹ thuật - sản xuất với nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của Công ty
- Cơ chế chính sách được xây dựng rõ ràng tạo niềm tin cho cán bộ nhân viên về định hướng phát triển trong tương lai tạo sự an tâm và gắn kết tạo nên sức mạnh của doanh nghiệp.

THUẬN LỢI



KHÓ KHĂN

- Thị trường cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước và đòi hỏi chất lượng sản phẩm, dịch vụ cao và mức giá phù hợp. Đây là bài toán khó cho hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế như hiện nay.
- Các chính sách của Chính phủ trong việc hạn chế xe xăng, chuyển dân sang năng lượng xanh như xe điện cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty con - mảng kinh doanh lớn nhất mà công ty đang hướng đến.
- Mặt bằng lãi suất tăng cao, cũng là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến khả năng xoay vòng hoạt động kinh doanh của Công ty.



Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	143.970	48,32%	124.401	46,50%	-13,59%
Tài sản dài hạn	153.986	51,68%	143.128	53,50%	-7,05%
Tổng tài sản	297.956	100%	267.529	100	

Cơ cấu tài sản của Công ty năm 2025 có sự biến động. Cụ thể, tổng tài sản của TGG tại thời điểm 31/12/2025 đạt 267 tỷ đồng giảm 30 tỷ đồng so với năm 2024.

Tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn của TGG tại thời điểm cuối năm 2025 giảm lần lượt đạt 143 tỷ đồng, và 124 tỷ đồng. Nguyên nhân chính đến từ việc Công ty đã thoái vốn tại một số công ty con hoạt động không hiệu quả.

Tình hình nợ ngắn hạn

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	101.318	84,75%	82.443	82,36%	-18,63%
Nợ dài hạn	18.234	15,25%	17.655	17,64%	-3,17%
Tổng nợ phải trả	119.552	100%	100.098	100%	

Về cơ cấu nợ phải trả của Công ty giảm, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc ông ty đã thoái vốn tại một số công ty con hoạt động không hiệu quả. Tại ngày 31/12/2025, Nợ dài hạn Công ty chỉ còn 82 tỷ đồng, giảm gần 20 tỷ đồng so với năm 2024 là 101 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn Công ty cũng ở mức thấp 17 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 giảm 1 tỷ đồng so với năm 2024. Các khoản nợ này chủ yếu đến từ Công ty con là Công ty TNHH Angimex Furious.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty luôn cập nhật những chính sách cũ, ban hành những chính sách mới phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty. Các chính sách về lương thưởng cho các Cán bộ nhân viên luôn phù hợp với công việc mà từng cá nhân đảm nhận và phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đối mặt với những khó khăn của tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam đồng thời triển vọng ngành kinh doanh của Công ty không khả quan, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần The Golden Group đã thảo luận và quyết định tiếp tục duy trì các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đem lại hiệu quả cao; quản trị các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết để đem lại các nguồn thu ổn định cho công ty, thận trọng trong việc đầu tư trong tương lai



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI

Ý KIẾN KIỂM TOÁN: CHẤP THUẬN CÓ NGOẠI TRỪ, LƯU Ý

Giải trình ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025

1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản công nợ chưa thu thập được đầy đủ giấy xác nhận

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Kiểm toán chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các đối tượng thuộc một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2024 lý do các đối tượng có công nợ quá lâu và thông tin liên lạc không còn chính xác để liên hệ. Và công ty chúng tôi đã cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan đến các khoản mục thay thế cho thư xác nhận nhưng vẫn chưa đem lại đủ cơ sở cho kiểm toán để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tập đoàn.

2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khả năng thu hồi khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng và chỉ tiêu Hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC: hàng tồn kho là các máy móc thiết bị được lưu giữ hộ tại kho của Công ty Cổ phần Louis Holdings, do trong giai đoạn 2022 kho này được Công ty Louis Holdings bàn giao cho bên ngân hàng tiếp quản, nên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thể tiến hành việc kiểm đếm và đánh giá lại hàng tồn kho này. Và hệ thống MMTB được Công ty cho Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (LDP) thuê, do trước đây hai đơn vị là các bên có liên quan cùng tập đoàn và cùng lãnh đạo chủ chốt, do đó việc danh sách MMTB cho thuê theo Hợp đồng và MMTB thực tế có sự khác nhau (trên thực tế Hợp đồng chỉ thể hiện các MMTB then chốt) thực tế bàn giao là một hệ thống bao gồm các MMTB then chốt và các MMTB phụ trợ). Đến thời điểm hiện tại, hai bên đã thống nhất lại danh sách MMTB cho thuê.

3. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chưa thu thập được BCTC kiểm toán của đơn vị mà

Công ty đã góp vốn và ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại công ty liên kết Trước đây Công ty con của TGG là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC có góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần XNK Louis Rice với số tiền là 9,975 tỷ đồng, Công ty đã cố gắng liên hệ để được cung cấp Báo cáo tài chính tuy nhiên đến thời điểm hiện tại phía Công ty Louis Rice vẫn chưa cung cấp, Công ty đang xem xét để tiến hành các thủ tục nhằm thu hồi lại khoản đầu tư này.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường

Vấn đề ô nhiễm môi trường là vấn đề quan tâm của toàn cầu. Thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay đang ở mức báo động. Do sự thiếu ý thức cũng như vô tư của nhiều người đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, TGG luôn đảm bảo không gây ảnh

hưởng đến môi trường sống. Ngoài ra, Ban lãnh đạo TGG luôn chỉ đạo nhân viên cần phải tuyên truyền, truyền tải những thông tin, kiến thức và tầm quan trọng về các vấn đề ô nhiễm môi trường với mọi người để họ có thể hiểu rõ hơn về vấn đề cấp bách này.

Đánh giá liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực là then chốt trong sự phát triển của TGG, chính vì vậy Ban lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đối với cán bộ công nhân viên tại Công ty luôn được đảm bảo đầy đủ đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Công ty luôn có những chính sách hỗ trợ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn và chế độ khen thưởng phù hợp với những cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công việc. Những nhân viên có năng lực, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty sẽ được bồi dưỡng để đưa lên những chức vụ cao hơn. Từ đó, giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và ngày càng phát triển.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc chú trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt trách nhiệm của mình đến các vấn đề xã hội cũng như cộng đồng địa phương. Đồng thời, tích cực tham gia các hoạt động gây quỹ hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, trao học bổng cho những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và cố gắng trong học tập; ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai,... thông qua các hoạt động tại Công ty con góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân và chung tay xây dựng xã hội ngày càng phát triển.



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Trong năm 2025, Ban lãnh đạo TGG đã chủ động cơ cấu lại tài chính, chủ động đề ra các Nghị quyết về việc thoái vốn tại các Công ty con có hoạt động kinh doanh không hiệu quả, cũng như hạn chế đầu tư M&A vào các lĩnh vực mới, tập trung toàn bộ nguồn lực vào các hoạt động kinh doanh tại các Công ty con đã và đang mang lại lợi nhuận cho Công ty. Cũng trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã định hướng lại mục tiêu kinh doanh của Công ty, không đầu tư ồ ạt, kém hiệu quả như trước đây mà tập trung nghiên cứu thị trường, đảm bảo các khoản đầu tư trong tương lai luôn mang lại lợi nhuận như kỳ vọng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



- Ngay từ đầu năm 2025, căn cứ chiến lược phát triển của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, HĐQT đã sớm định hướng, phê duyệt chiến lược kinh doanh để Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện kịp thời;
- HĐQT luôn giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty; luôn công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động kinh doanh, các định hướng phát triển trong tương lai của Công ty;
- Tham dự và giám sát việc thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; phối hợp thực hiện các nội dung các Nghị quyết do HĐQT ban hành;
- Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn và đã linh hoạt trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên tham vấn ý kiến của các thành viên HĐQT để triển khai có hiệu quả kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã có những chiến lược và hướng đi phù hợp với tình hình hiện tại cho TGG như sau:

Tập trung chỉ đạo quản trị định hướng hoạt động kinh doanh tập trung nguồn lực cho Công ty con mà công ty đã đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận cho Công ty;

Phối hợp với UBKT nâng cao hoạt động kiểm soát rủi ro và kiểm soát chi phí để tối ưu hóa nguồn lực.

Nghiên cứu kỹ càng trước khi đầu tư M&A vào các lĩnh vực mới, nhằm mở ra thêm nhiều hướng đi mới cho Công ty.

Về hoạt động kinh doanh



Tập trung chỉ đạo quản trị định hướng hoạt động kinh doanh tập trung nguồn lực cho Công ty con mà công ty đã đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận cho Công ty;



Tăng cường năng lực tài chính thông qua việc củng cố dòng tiền, tối ưu hóa chi phí và đa dạng nguồn vốn nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại các Công ty con trong hệ thống để mở rộng sản xuất kinh doanh



Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản lý tài chính, điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời kỳ trong năm, cũng như chủ động tìm kiếm khả năng kinh doanh ở các lĩnh vực mới;



Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến; kiện toàn bộ máy quản lý; nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên Công ty;



Luôn tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước trong quá trình hoạt động, liên tục cập nhật sự thay đổi của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp,... để có phương án kinh doanh phù hợp với quy định của nhà nước.



A background image featuring a group of hands clasped together in a circle, symbolizing teamwork. Overlaid on this is a futuristic digital interface with glowing blue and green circular patterns and data-like elements. The number '5' is prominently displayed in a stylized, textured font at the top right.

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)		Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT, không điều hành	2.900.000	0	10,62%	
2	Lý Thanh Nhã(*)	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, điều hành	0	0	0	
3	Ông Võ Kim Nguyên(*)	Thành viên HĐQT trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, điều hành	0	0	0	
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập HĐQT trị, không điều hành	0	0	0	
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT trị, không điều hành	0	0	0	

(*) Thông tin lý lịch của Ông Lý Thanh Nhã Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Ông Võ Kim Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc xem thông tin tại Phần 2 - Tổ chức và nhân sự.

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông NGÔ QUANG TUẤN - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	01/10/1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BV Pharma - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Pomax
Quá trình công tác	
04/2015 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BV Pharma
09/2020 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Pomax
12/2020 - T4/2023	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu Tư
01/2022 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình
27/03/2023 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần The Golden Group
Số lượng cổ phần sở hữu	
Người có liên quan	2.000 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN QUỐC DŨNG - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ngày sinh	12/04/1977
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại các tổ chức khác	Tổng giám đốc CTCP BV Pharma
Quá trình công tác	
2016 - T4/2019	Giám đốc Công ty TNHH BRV Health Care
T5/2019 - Nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần BV Pharma
	Thành viên HĐQT CTCP Pomax
T8/2023 - Nay	Thành viên độc lập HĐQT CTCP The Golden Group

Ông NGUYỄN XUÂN HÒA - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ngày sinh	18/05/1976
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Quản lý đất đai
Chức vụ tại các tổ chức khác	Tổng Giám đốc CTCP Xây dựng và Tư vấn đầu tư
Quá trình công tác	
T5/2025 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Xây dựng và Tư vấn đầu tư
T7/2025 - nay	Thành viên độc lập HĐQT CTCP The Golden Group





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những thay đổi trong cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 18/07/2025	
2	Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 18/07/2025	
3	Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 18/07/2025	
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 18/07/2025	
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/07/2025	



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban chuyên trách mà hoạt động thông qua các Phòng chức năng của Công ty, phân công người phụ trách riêng từng vấn đề như tài chính, nhân sự, kinh doanh,... để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- Trong năm 2025, HĐQT đã theo sát tình hình hoạt động và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc thường xuyên thảo luận, trao đổi về các vấn đề quan trọng của Công ty và báo cáo tiến độ hoàn thành công việc cho HĐQT thông qua các cuộc họp. Do đó, việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời và liên tục;
- HĐQT luôn giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty; luôn công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về tình hình hoạt động kinh doanh, các định hướng phát triển trong tương lai của Công ty;
- Tham dự và giám sát việc thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; phối hợp thực hiện các nội dung các Nghị quyết do HĐQT ban hành;
- Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn và đã linh hoạt trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên tham vấn ý kiến của các thành viên HĐQT để triển khai có hiệu quả kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự cuộc họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Quang Tuấn	12/12	100	
2	Ông Lý Thanh Nhã	12/12	100	
3	Ông Võ Kim Nguyên	12/12	100	
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng	12/12	100	
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa	5/12	41,67	Được bầu làm TV ĐL HĐQT ngày 18/07/2025

Nội dung và kết quả của các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 phiên họp, ban hành 13 Nghị quyết. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	01/2025/TGG/HĐQT-NQ	14/02/2025	Thông qua giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty là CTCP Xây dựng và tư vấn đầu tư về việc sửa chữa văn phòng Công ty	100
2	02/2025/TGG/HĐQT-NQ	21/03/2025	Thông qua việc mua thêm cổ phần của CTCP Xây dựng và tư vấn đầu tư từ NNB là ông Nguyễn Kiên Giang	75
3	03/2025/TGG/HĐQT-NQ	10/04/2025	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ TN 2025	100
4	04/2025/TGG/HĐQT-NQ	07/05/2025	Thông qua việc triệu tập ĐHĐCĐ TN 2025	100
5	06/2025/TGG/HĐQT-NQ	15/05/2025	Thông qua việc bổ nhiệm bà Trần Thị Thanh Loan giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty	100
6	07/2025/TGG/HĐQT-NQ	06/06/2025	Thông qua thời gian, địa điểm và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025	100
7	09/2025/TGG/HĐQT-NQ	18/07/2025	Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030	100
8	10/2025/TGG/HĐQT-NQ	18/07/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100
9	11/2025/TGG/HĐQT-NQ	24/07/2025	Thông qua việc gia hạn lần 3 khoản cho vay đối với Công ty con là CTCP Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	100
10	12/2025/TGG/HĐQT-NQ	24/07/2025	Thông qua việc thành lập UBKT, bầu Chủ tịch UBKT, Ban hành quy chế hoạt động của UBKT	100
11	13/2025/TGG/HĐQT-NQ	31/07/2025	Thông qua việc cho Công ty con là CTCP HB Pharma vay vốn	100
12	14/2025/TGG/HĐQT-NQ	06/08/2025	Thông qua hạn mức tín dụng Công ty con là Công ty TNHH Angimex Furious	100
13	15/2025/TGG/HĐQT-NQ	15/09/2025	Thông qua thay đổi địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện tại TP.HCM - CTCP The Golden Group	100



Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2025/TGG/ĐHĐCĐ-NQ ngày 18/07/2025, Công ty đã thay đổi mô hình quản trị Công ty từ điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp sang điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp

Những thay đổi trong cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng BKS	27/03/2023	18/07/2025
2	Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên BKS	27/03/2023	18/07/2025
3	Ông Cao Việt Bách	Thành viên BKS	27/03/2023	18/07/2025
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng (*)	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	18/07/2025	
5	ông Nguyễn Xuân Hòa (*)	Thành viên Ủy ban kiểm toán	18/07/2025	

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Ban kiểm soát thực hiện công việc giám sát 6 tháng đầu năm 2025. Ủy ban kiểm toán thay thế Ban kiểm soát thực hiện hoạt động giám sát 6 tháng cuối năm 2025 thông qua các hoạt động:

- Thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Tham gia kiểm tra, đánh giá Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con;
- Rà soát các giao dịch với các bên liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra các khuyến nghị về các giao dịch cần có sự phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- Theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT thông qua;
- Theo dõi và đôn đốc đồng thời kiểm tra việc xử lý các kiến nghị của kiểm toán liên quan đến các ý kiến của kiểm toán trong Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con.

(*) Thông tin lý lịch của Ông Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Ông Nguyễn Xuân Hòa - Thành viên Ủy ban kiểm toán tại mục Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán. Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán tham gia các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và đưa ra các ý kiến để các chủ trương, quyết định của Công ty khi được ban hành đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại Công ty. Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán cũng có những phản hồi trong quá trình chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban điều hành nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng theo định hướng của NQ ĐHĐCĐ đã đề ra trước đó. Ủy ban kiểm toán thực hiện báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	02/02	100%
2	Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên BKS	02/02	100%
3	Ông Cao Việt Bách	Thành viên BKS	02/02	100%
4	Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch UBKT	01/01	100%
5	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên UBKT	01/01	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2025/BKS-BBH	20/05/2025	Chuẩn bị báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2	02/2025/BKS/BBH	30/06/2025	Cho ý kiến về việc chuẩn bị lập Báo cáo tài chính soát xét bán niên
3	03/2025/UBKT/BBH	31/12/2025	Cho ý kiến về việc chuẩn bị lập Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập	Ghi chú
Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	
Lý Thanh Nhã	TGĐ kiêm Thành viên HĐQT	778.166.355	
Võ Kim Nguyên	Phó TGĐ Thành viên HĐQT	864.611.401	
Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch UBKT	-	
Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên UBKT	-	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả gốc vay	24/06/2025	500.000.000đ
2	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả gốc vay	25/09/2025	300.000.000đ
3	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả gốc vay	18/12/2025	400.000.000đ
4	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 1	22/01/2025	22.578.866đ
5	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 2	27/02/2025	20.393.814đ
6	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 3	31/03/2025	22.578.866đ
7	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 4	29/04/2025	21.850.515đ
8	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 5	29/05/2025	22.578.866đ
9	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 6	30/06/2025	20.987.502đ

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
10	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 6	30/07/2025	18.756.948đ
11	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 6	28/08/2025	18.756.948đ
12	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 6	29/09/2025	17.708.049đ
13	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 6	30/10/2025	16.463.797đ
14	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 3	27/11/2025	15.932.707đ
15	Công ty cổ phần quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC	Công ty con	11/2022/TGG/ HĐQT-NQ ngày 28/03/2022	Trả lãi vay tháng 3	30/12/2025	15.082.975đ
16	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/ HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả gốc vay	15/09/2025	100.000.000đ
17	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/ HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả lãi vay từ 01/01 - 31/03/2025	31/03/2025	13.315.068đ
18	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/ HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả lãi vay từ 01/04 - 30/06/2025	30/06/2025	13.216.438đ
19	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/ HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả lãi vay từ 01/07 - 30/09/2025	29/09/2025	13.216.438đ



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ (tiếp theo)

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/ĐHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Thời điểm giao dịch	Giá trị giao dịch
20	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả lãi vay từ 01/10 - 31/12/2025	30/12/2025	11.342.466đ
21	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	02/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 21/03/2025	Mua cổ phần từ ông Nguyễn Kiên Giang	25/03/2025	200.000.000đ
22	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	01/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 14/02/2025	Thanh toán đợt 1 chi phí cải tạo văn phòng	16/04/2025	163.000.000đ
23	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	01/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 14/02/2025	Thanh toán đợt 2 chi phí cải tạo văn phòng	22/07/2025	50.000.000đ
24	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	01/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 14/02/2025	Thanh toán đợt 3 chi phí cải tạo văn phòng	30/09/2025	26.679.451đ
25	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả lãi vay	07/05/2025	21.599.999đ
26	Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn đầu tư	Công ty liên kết	17/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 06/11/2024	Trả lãi vay	30/09/2025	26.679.451đ
27	Công ty cổ phần HB Pharma	Công ty liên quan	13/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 31/07/2025	Cho vay	01/08/2025	160.000.000đ
28	Công ty cổ phần HB Pharma	Công ty liên quan	13/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 31/07/2025	Trả lãi vay từ ngày 01/08 - 31/12/2025	30/12/2025	6.036.166đ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần The Golden Group luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(HỢP NHẤT)

- ❖ Ý kiến kiểm toán
- ❖ Báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần The Golden Group và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần The Golden Group ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 06 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 272.999.900.000 VND tương đương với 27.299.990 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TGG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Mẹ bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2023. Trước đó, theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty Mẹ bị hủy niêm yết kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty Mẹ là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty Mẹ được đặt tại Lầu 7, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên	
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18/07/2025

Ủy ban Kiểm toán

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/07/2025
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/07/2025

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/07/2025
Ông Cao Việt Bách	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/07/2025
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/07/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ
Ông Lý Thanh Nhã	Tổng Giám đốc
Ông Võ Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

Quyền Kế toán trưởng của Công ty Mẹ trong giai đoạn từ ngày 15/05/2024 đến ngày 15/05/2025 là Bà Trần Thị Thanh Loan.

Kế toán trưởng của Công ty Mẹ trong giai đoạn từ ngày 16/05/2025 đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Thanh Loan.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Mẹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Lý Thanh Nhã	Việt Nam	Tổng Giám đốc

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 26/03/2026 của người đại diện theo pháp luật Công ty, Ông Võ Kim Nguyên - Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm phê duyệt và ký Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2025) đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Công bố báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


VÕ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Số: 196/2026/BCKTHN-HCM.01499

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần The Golden Group

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần The Golden Group và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 8 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025 và ngày 31/12/2024. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tập đoàn. Cụ thể bao gồm các khoản mục sau:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Khoản mục	Mã số	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.619.902.321	11.922.961.180
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.285.653.003	1.579.533.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	65.000.000	65.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	45.600.000.000	45.060.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9.795.414.653	9.795.414.653
Phải trả người bán ngắn hạn	311	53.880.000	53.880.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	150.000.000	2.250.000.000

2. Như đã trình bày tại mục 5.8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) không thể thực hiện kiểm kê hàng tồn kho do Công ty Cổ phần Louis Holdings đã giữ hộ với giá trị là 12.272.727.273 VND. Chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận về giá trị hàng tồn kho đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Louis Holdings tại ngày 31/12/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp. Với những tài liệu hiện có của Tập đoàn, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu, giá trị, đánh giá, quyền và nghĩa vụ của số dư hàng tồn kho như đã nêu trên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025; cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Như đã trình bày tại mục 5.2.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) đã đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice ("Louis Rice") với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 9.795.414.653 VND (ngày 31/12/2024: 9.795.414.653 VND).

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Louis Rice để có cơ sở đánh giá việc trích lập dự phòng khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2025 với giá gốc là 9.795.414.653 VND, dự phòng đã trích lập là 9.795.414.653 VND (tại ngày 31/12/2024 là 9.795.414.653 VND). Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến giá trị dự phòng cần phải điều chỉnh (nếu có) của khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2025, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ định ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính đến các nội dung sau:

1. Như đã trình bày tại điểm (a) của mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2025, theo nội dung Công văn số 09/2025/TGG/TGD-CV ngày 18 tháng 03 năm 2025 do Tổng Giám đốc Công ty Mẹ gửi đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang – là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con), Công ty Mẹ đã đánh giá lại việc góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vào Công ty TNHH Angimex Furious. Căn cứ theo kết quả rà soát và đánh giá nội bộ, Công ty Mẹ nhận thấy cơ sở định giá tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang không phù hợp. Trên cơ sở đó, Công ty Mẹ không công nhận giá trị phần vốn góp này tại Công ty TNHH Angimex Furious. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ trong Công ty TNHH Angimex Furious có thể thay đổi, tùy thuộc vào kết quả xử lý cuối cùng liên quan đến việc xác định lại giá trị vốn góp.

2. Như đã trình bày tại mục 7.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 22 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (gọi tắt là "Ladophar") đã gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) (gọi tắt là "Louis AMC") thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động từ Louis AMC với tổng số tiền là 483.325.000 VND bằng hình thức trừ công nợ.

Đồng thời Ladophar cũng thông báo đến Louis AMC việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quý 1/2024 cho 11 máy trà, máy sấy vi sóng chân không và vi sóng băng tải với tổng chi phí dự kiến là 282.631.000 VND. Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25 tháng 01 năm 2024, Louis AMC đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng năm 2022 và 2023, bên cạnh đó Louis AMC chưa thống nhất được giá trị chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Louis AMC có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.

3. Như đã nêu tại mục 5.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Louis Holdings với giá trị là 65.000.000 VND theo hợp đồng mượn tiền số 02122022/VAS-AMC-HĐMT ngày 02 tháng 12 năm 2022. Khoản cho vay nêu trên đã hết hạn theo hợp đồng ban đầu, tuy nhiên đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC chưa thực hiện ký kết hợp đồng gia hạn hoặc có các bằng chứng pháp lý phù hợp khác về việc gia hạn thời hạn thu hồi khoản cho vay. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty con chưa thu được số tiền chưa có cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của khoản cho vay nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp theo)

4. Như đã nêu tại mục 5.6.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 15 tháng 07 năm 2025, Công ty Mẹ đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên giữa Công ty Mẹ, ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng về việc ông Vũ Minh Hoàng sẽ thanh toán toàn bộ số tiền là 7.550.000.000 VND để mua lại cổ phần Công ty Cổ phần HB Pharma cho Công ty Mẹ; do giữa ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 492/2025/HĐCNCP/TGG.BNM ngày 15 tháng 07 năm 2025 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần HB Pharma cho ông Vũ Minh Hoàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Mẹ chưa thu được số tiền chuyển nhượng cũng như chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với công nợ phải thu nêu trên.

Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1
Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

LÊ HUỖNH BẢO
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2026-009-1

100
qd
KIỂM
CV
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
Lầu 7, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.401.009.318	143.970.622.125
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.028.203.982	6.421.646.938
1. Tiền	111		6.028.203.982	4.221.646.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	2.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.885.434.916	17.249.622.443
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	17.885.434.916	17.249.622.443
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.065.431.414	31.421.819.171
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	13.876.298.286	17.987.377.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.651.724.317	10.144.436.489
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	4.425.000.000	665.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	54.937.023.010	54.202.715.225
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(51.824.614.199)	(51.577.710.514)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	53.258.776.465	82.354.224.218
1. Hàng tồn kho	141		55.798.160.202	83.076.034.030
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.539.383.737)	(721.809.812)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.163.162.541	6.523.309.355
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	685.611.753	792.303.831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.542.552.677	2.789.450.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	2.934.998.111	2.941.554.601
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

100
qd
KIỂM
CV
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.128.275.989	153.986.165.834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.202.818.160	1.204.090.892
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	1.202.818.160	1.204.090.892
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85.346.614.118	93.888.788.189
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	22.330.856.094	28.680.844.893
- Nguyên giá	222		44.671.991.674	44.671.991.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.341.135.580)	(15.991.146.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	2.583.465.321	4.650.237.597
- Nguyên giá	225		10.333.861.356	10.333.861.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.750.396.035)	(5.683.623.759)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	60.432.292.703	60.557.705.699
- Nguyên giá	228		61.052.843.193	61.052.843.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(620.550.490)	(495.137.494)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	28.992.309.815	28.624.734.564
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.992.309.815	28.624.734.564
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.795.414.653	9.795.414.653
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.795.414.653)	(9.795.414.653)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.586.533.896	30.268.552.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	11.348.625.711	11.668.081.956
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	16.237.908.185	18.600.470.233
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.529.285.307	297.956.787.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		100.098.283.583	119.552.238.314
I. Nợ ngắn hạn	310		82.443.196.750	101.317.601.827
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	6.125.007.857	5.259.299.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	372.041.320	193.117.705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	241.643.379	92.833.630
4. Phải trả người lao động	314		2.016.394.356	1.328.112.511
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	548.101.733	488.695.890
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	375.883.080	236.064.898
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	1.570.360.239	3.366.396.133
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	69.862.718.058	89.022.034.661
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.21	1.331.046.728	1.331.046.728
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.655.086.833	18.234.636.487
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	59.016.218	295.081.118
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	402.900.000	276.900.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	349.999.810	1.749.999.850
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.22	16.843.170.805	15.912.655.519
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		167.431.001.724	178.404.549.645
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	167.431.001.724	178.404.549.645
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(155.723.532.201)	(146.916.614.728)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(146.916.614.728)	(135.296.996.745)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(8.806.917.473)	(11.619.617.983)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		47.265.540.470	49.432.170.918
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		267.529.285.307	297.956.787.959

TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng

VÕ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		429.673.342.437	484.211.020.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		291.306.165	266.062.209
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	429.382.036.272	483.944.958.659
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	391.827.224.724	437.627.283.384
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.554.811.548	46.317.675.275
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.703.934.210	1.127.957.213
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.399.245.055	6.306.067.898
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.399.245.054	5.627.588.015
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		167.575.251	178.706.923
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	29.304.962.279	30.373.744.303
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	17.614.140.169	26.643.652.212
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22 + 24) - (25 + 26))	30		(12.892.026.494)	(15.699.125.002)
12. Thu nhập khác	31	6.7	2.915.645.199	1.402.264.543
13. Chi phí khác	32	6.8	66.651.340	918.034.601
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.848.993.859	484.229.942
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.043.032.635)	(15.214.895.060)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.16	930.515.286	2.266.617.801
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(10.973.547.921)	(17.481.512.861)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	61		(8.806.917.473)	(11.619.617.983)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.166.630.448)	(5.861.894.878)
19. Lãi cơ bản cổ phiếu	70	6.9	(323)	(426)

TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng

VÕ KIM NGUYỄN
Phó Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10.043.032.635)	(15.214.895.060)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	8.542.174.071	12.660.657.005
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	2.064.477.610	(117.215.824.789)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.060.600.370)	(1.306.664.136)
- Chi phí lãi vay	06	5.399.245.054	5.627.588.015
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.902.263.730	(115.449.138.965)
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	8.461.723.967	130.256.943.549
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	27.277.873.828	45.687.730.901
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.086.469.042	(45.766.314.691)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	426.148.323	1.989.279.449
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.401.776.561)	(14.264.863.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(215.073.204)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.752.702.329	2.238.563.902
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.304.073.378)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.511.812.473)	(778.555.801)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29.016.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	908.983.831	753.757.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.586.828.642)	(1.328.871.446)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	302.906.393.852	417.921.052.523
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(322.065.710.455)	(419.473.217.140)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.400.000.040)	(1.400.000.040)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.559.316.643)	(2.952.164.657)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.606.557.044	(2.042.472.201)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	6.421.646.938	8.464.119.139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	18.028.203.982	6.421.646.938


TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng


VÕ KIM NGUYÊN
Phó Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần The Golden Group ("Công ty Mẹ") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 06 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 272.999.900.000 VND tương đương với 27.299.990 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty Mẹ được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TGG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Mẹ bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2023. Trước đó, theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty Mẹ bị hủy niêm yết kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở hoạt động của Công ty Mẹ được đặt tại Lầu 7, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn (gồm công ty Mẹ và các công ty con) là thương mại, tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Mẹ là: Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty Mẹ là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn trong vòng 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty Mẹ, 3 công ty con.

Công ty Mẹ có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Golden Group	Tầng 3, số 402 - 404 đường Tùng Thiện Vương, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group	Tiểu khu 48, Xã Hiền Lương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital – Trang trại Hòa Bình	Xóm Phương Viên, Xã Cao Dương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
4	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần The Golden Group	Tầng 2, số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty con

Tại ngày 31/12/2025, Công ty Mẹ có 3 công ty con được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC	Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động mua bán nợ; Tư vấn mua bán nợ; Môi giới mua bán nợ	79,82%	79,82%
Công ty TNHH Angimex Furious (a)	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Mua bán mô tô, xe máy	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Một thành viên Kho vận Wings Global (b)	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, Phường An Khánh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	100%	100%

(a) Theo nội dung Công văn số 09/2025/TGG/TGD-CV ngày 18 tháng 03 năm 2025 do Tổng Giám đốc Công ty Mẹ gửi đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang – là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Angimex Furious, Công ty Mẹ đã đánh giá lại việc góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vào Công ty TNHH Angimex Furious. Căn cứ theo kết quả rà soát và đánh giá nội bộ, Công ty Mẹ nhận thấy việc định giá tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang không phù hợp. Trên cơ sở đó, Công ty Mẹ không công nhận giá trị phần vốn góp này tại Công ty TNHH Angimex Furious. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ trong Công ty TNHH Angimex Furious có thể thay đổi, tùy thuộc vào kết quả xử lý cuối cùng liên quan đến việc xác định lại giá trị vốn góp.

(b) Ngày 26/05/2025, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global đã ra quyết định giải thể số 05/QĐ-CSH và Thông báo số 05/TB-WG.25 gửi cho Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hồ Chí Minh về việc giải thể doanh nghiệp. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global vẫn đang tiến hành hoàn tất thủ tục giải thể.

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	35,65%	35,65%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty Mẹ là 4 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà Công ty Mẹ đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 42 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong báo cáo tài chính hợp nhất và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 30
Máy móc, thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

4.8 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	05

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 13 năm đến 50 năm; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Tập đoàn không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty Mẹ.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty Mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tập đoàn chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Golden Paddy	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (Bên liên quan đến ngày 24/04/2025)	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần HB Pharma	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Việt Nam	Cổ đông lớn của Công ty con
Công ty Cổ phần Pomax	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt trong tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP	Việt Nam	Cùng thành viên chủ chốt trong tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)	Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn và Công ty nhận đầu tư
Công ty Cổ phần Hòa Bình	Việt Nam	Công ty có liên quan đến thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần BV Pharma	Việt Nam	Công ty có liên quan đến thành viên chủ chốt
Bà Nguyễn Thị Út Nga	Việt Nam	Giám đốc Công ty con
Ông Bùi Việt Dũng	Việt Nam	Giám đốc Công ty con
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Việt Nam	Thành viên chủ chốt của Công ty liên kết
Ông Nguyễn Kiên Giang	Việt Nam	Thành viên chủ chốt của Công ty con
Ông Vũ Minh Hoàng	Việt Nam	Giám đốc Công ty con
Ông Cao Việt Bách	Việt Nam	Tổng Giám đốc Công ty liên kết
Ông Vũ Anh Sinh	Việt Nam	Người đứng đầu chi nhánh
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt - VND	535.581.857	493.423.725
Tiền gửi ngân hàng - VND	5.492.622.125	3.728.223.213
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	2.200.000.000
	18.028.203.982	6.421.646.938

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng thương mại với lãi suất tiền gửi theo từng hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	17.885.434.916	17.885.434.916	17.249.622.443	17.249.622.443
	17.885.434.916	17.885.434.916	17.249.622.443	17.249.622.443

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng đến 1 năm tại ngân hàng thương mại có lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,2%/năm.

Số dư tiền gửi ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (xem thuyết minh số 5.20).

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (a)	23.532.000.000	28.992.309.815	23.332.000.000	28.624.734.564
	23.532.000.000	28.992.309.815	23.332.000.000	28.624.734.564

(a) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (gọi tắt là "CIC"). CIC là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103003428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 05 năm 2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300697705 thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 10 năm 2025.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2025/TGG/HĐQT-NQ ngày 21 tháng 03 năm 2025 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 28/2025/HĐCNCP ngày 21 tháng 03 năm 2025, Công ty Mẹ đã mua 20.000 cổ phần CIC từ Người nội bộ là Ông Nguyễn Kiên Giang - Thành viên Ban Kiểm soát. Như vậy, Công ty Mẹ sở hữu tại công ty này là 2.353.200 cổ phần tương đương tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 35,65%.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn đã đánh giá tình hình tài chính và khả năng thu hồi khoản đầu tư của Tập đoàn vào CIC dựa trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của CIC với giá gốc là 23.532.000.000 VND.

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (a)	9.795.414.653	(9.795.414.653)	(*)	9.795.414.653	(9.795.414.653)	(*)
	9.795.414.653	(9.795.414.653)		9.795.414.653	(9.795.414.653)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

- (a) Đây là khoản đầu tư mà Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng phần góp vốn của Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice) (gọi tắt là "Louis Rice") từ Công ty Cổ phần Louis Holdings với giá trị phần góp vốn là 7.193.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 10%.

Tập đoàn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Louis Rice để có cơ sở đánh giá việc trích lập dự phòng khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2025 là 9.795.414.653 VND. Tại ngày 31/12/2025, khoản dự phòng tổn thất đầu tư được đánh giá dựa theo ước tính của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315924647 cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2019 và thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 04 năm 2022. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice là 71.930.000.000 VND.

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2025, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	296.315.467	296.315.467
Công ty Cổ phần HB Pharma	-	2.501.280
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	782.832.255	782.832.255
Ông Nguyễn Xuân Hòa	8.000.000.000	8.301.808.219
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	283.200.000	586.129.167
Công ty TNHH Lương thực Angimex (nay là: Công ty Cổ phần Lương thực Angimex)	113.898.960	113.898.960
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	278.228.739	278.228.739
Công ty TNHH MTV Xe máy Thanh Vân	-	3.069.199.996
Các khách hàng khác	4.121.822.865	4.556.463.888
	13.876.298.286	17.987.377.971

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán - các tổ chức khác		
Công ty Honda Việt Nam	6.225.131.314	8.329.520.486
Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	550.000.001
Chi nhánh Công ty ACC XI nghiệp Tư vấn Thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	430.000.000
Các người bán khác	446.593.002	834.916.002
	7.651.724.317	10.144.436.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cho vay - các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (a)	500.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần HB Pharma (b)	160.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Pomax (c)	3.700.000.000	-	-	-
Phải thu về cho vay - các tổ chức khác				
Công ty Cổ phần Louis Holdings (d)	65.000.000	-	65.000.000	-
	4.425.000.000	-	665.000.000	-

- (a) Đây là khoản tiền Công ty Mẹ cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư vay theo Hợp đồng vay vốn số 611/2024/HĐVV-TGG-CIC ngày 06 tháng 11 năm 2024 để phục vụ hoạt động kinh doanh của bên vay. Số tiền cho vay là 600.000.000 VND. Thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo Nghị quyết số 01/2026/TGG/HĐQT-NQ ngày 26/01/2026 của Công ty Mẹ và Văn bản số 03/XĐTVĐT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư về việc đề nghị được gia hạn hợp đồng vay vốn, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với hợp đồng cho vay số 611/2024/HĐVV-TGG-CIC ngày 06 tháng 11 năm 2024.

- (b) Đây là khoản tiền Công ty Mẹ cho Công ty Cổ phần HB Pharma vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 3107/TGG-CIC/HĐVV-2025 ngày 31 tháng 07 năm 2025. Thời hạn cho vay là 12 tháng và lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- (c) Đây là khoản tiền Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) cho vay tín chấp, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn cho vay 1 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2025.

- (d) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) cho vay theo hợp đồng mượn tiền số 02122022/VAS-AMC-HĐMT ngày 02 tháng 12 năm 2022. Lãi suất cho vay 0%/năm, thời hạn cho vay 2 tháng kể từ ngày giải ngân. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty con chưa ký hợp đồng gia hạn mới. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty con chưa thu được số tiền, chưa có cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của khoản cho vay nêu trên.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu về lãi cho vay - Công ty Cổ phần HB Pharma	556.721.095	(305.589.040)	550.684.929	(165.369.862)
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	11.342.466	-	8.284.931	-
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần Pomax	21.275.000	-	-	-
Phải thu lãi chậm thanh toán - Ông Nguyễn Xuân Hòa	721.808.219	-	-	-
Ông Vũ Minh Hoàng (b)	7.550.000.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng nhận viên	544.000.000	(540.000.000)	549.296.205	(540.000.000)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	243.898.372	-	178.041.694	-
Thuế GTGT chưa kê khai	127.272.732	-	127.272.732	-
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	60.000.000	-	60.000.000	-
Bà Từ Thị Hồng Thanh (a)	45.000.000.000	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(45.000.000.000)
Ông Bùi Ngọc Mỹ (b)	-	-	7.550.000.000	-
Các khoản phải thu khác	100.705.126	-	179.134.734	-
	54.937.023.010	(45.845.589.040)	54.202.715.225	(45.705.369.862)

(a) Đây là khoản tiền Công ty Mẹ đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10 tháng 09 năm 2021. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành chuyển nhượng cho Công ty Mẹ 3.000.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 VND. Số tiền Công ty Mẹ đã trả trước còn lại là 45.000.000.000 VND, tương ứng với 4.500.000 cổ phần mà Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa thể chuyển nhượng cho Công ty Mẹ. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Mẹ chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

(b) Đây là khoản phải thu về chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Cổ phần HB Pharma với ông Bùi Ngọc Mỹ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 78/2024/HĐCNCP/TGG-BNM ký ngày 01 tháng 12 năm 2024. Tổng số cổ phần chuyển nhượng là 755.000 cổ phần tương đương 7.550.000.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Ngày 15 tháng 07 năm 2025, Công ty Mẹ đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên giữa Công ty Mẹ, ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng về việc ông Vũ Minh Hoàng sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua lại cổ phần cho Công ty Mẹ do giữa ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 492/2025/HĐCNCP/TGG.BNM ngày 15 tháng 07 năm 2025 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần HB Pharma cho ông Vũ Minh Hoàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty Mẹ chưa thu được số tiền chuyển nhượng này.

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	821.000.000	-	695.000.000	-
Ký quỹ liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính (a)	350.000.000	-	350.000.000	-
Thuế GTGT liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính (b)	31.818.160	-	159.090.892	-
	1.202.818.160	-	1.204.090.892	-

(a) Đây là khoản ký quỹ liên quan đến Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

(b) Đây là thuế giá trị gia tăng liên quan đến Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.7 Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng - bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	296.315.467	(296.315.467)	296.315.467	(296.315.467)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	782.832.255	(782.832.255)	782.832.255	(782.832.255)
Phải thu khách hàng các tổ chức, cá nhân khác				
Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Lương thực Angimex	278.228.739	(278.228.739)	278.228.739	(278.228.739)
Công ty TNHH Lương thực Angimex (nay là: Công ty Cổ phần Lương thực Angimex)	113.898.960	(113.898.960)	113.898.960	(113.898.960)
Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.042.852.987	(2.042.852.987)	2.042.852.987	(2.042.852.987)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Akisei	32.400.000	(32.400.000)	32.400.000	(32.400.000)
Các khách hàng khác	1.209.902.245	(1.153.843.748)	1.209.902.245	(1.107.159.241)
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	550.000.001	(550.000.001)
Chi nhánh Công ty ACC Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	430.000.000	(430.000.000)
Các người bán khác	298.653.002	(298.653.002)	298.653.002	(238.653.002)
Phải thu ngắn hạn khác - bên liên quan				
Công ty Cổ phần HB Pharma	556.721.095	(305.589.040)	550.684.929	(165.369.862)
Phải thu ngắn hạn khác - các tổ chức, cá nhân khác				
Bà Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(45.000.000.000)
Bà Lê Thị Minh Quân	540.000.000	(540.000.000)	540.000.000	(540.000.000)
	52.131.804.751	(51.824.614.199)	52.125.768.585	(51.577.710.514)

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa (*)	55.798.160.202	(2.539.383.737)	82.916.956.315	(721.809.812)
Hàng gửi đi bán	-	-	159.077.715	-
	55.798.160.202	(2.539.383.737)	83.076.034.030	(721.809.812)

Một số hàng hóa của Tập đoàn được đem thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng (xem Thuyết minh mục 5.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(*) Trong số dư hàng hóa của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025, bao gồm số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) (gọi tắt là "Louis AMC") là các loại máy móc thiết bị mà Công ty con này mua thanh lý từ Công ty Cổ phần Louis Holdings để bán lại cho các đối tác tiềm năng. Toàn bộ số dư hàng hóa này tại ngày 31/12/2025 với giá trị là 12.272.727.273 VND được gửi tại Nhà máy của Công ty Cổ phần Louis Holdings (tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 12.272.727.273 VND). Tại ngày 31/12/2025, Louis AMC không thể thực hiện kiểm kê hàng tồn kho cũng như không xác nhận được số hàng tồn kho này đang được nắm giữ tại Công ty Cổ phần Louis Holdings.

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí thuê mặt bằng	547.250.000	598.213.034
Chi phí trả trước khác	138.361.753	194.090.797
	685.611.753	792.303.831

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	11.255.411.241	11.601.731.589
Chi phí trả trước khác	93.214.470	66.350.367
	11.348.625.711	11.668.081.956

(*) Đây là khoản chi phí trả trước về việc thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5 (S1-S3) HĐCTMB-SME-HG ngày 20 tháng 06 năm 2016 giữa Công ty Mẹ và Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia. Tổng diện tích thuê là 582 m², thời hạn cho thuê từ tháng 06 năm 2016 đến hết tháng 06 năm 2058, tổng giá trị tiền thuê cố định theo hợp đồng là 16.000.000.000 VND.

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại 01/01/2025	26.985.666.163	14.231.057.920	850.023.115	2.605.244.476	44.671.991.674
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2025	26.985.666.163	14.231.057.920	850.023.115	2.605.244.476	44.671.991.674
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2025	7.689.985.292	6.120.094.474	583.164.588	1.597.902.427	15.991.146.781
Khấu hao trong năm	3.746.235.705	2.059.724.520	61.661.784	482.366.790	6.349.988.799
Tại 31/12/2025	11.436.220.997	8.179.818.994	644.826.372	2.080.269.217	22.341.135.580
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2025	19.295.680.871	8.110.963.446	266.858.527	1.007.342.049	28.680.844.893
Tại 31/12/2025	15.549.445.166	6.051.238.926	205.196.743	524.975.259	22.330.856.094

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại 01/01/2025	662.924.382	-	356.728.815	125.771.653	1.145.424.850
Tại 31/12/2025	662.924.382	-	356.728.815	125.771.653	1.145.424.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang thể chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 4.752.252.660 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.227.180.044 VND) (xem thuyết minh 5.20).

5.11 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Tại 01/01/2025	10.333.861.356
Tại 31/12/2025	10.333.861.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại 01/01/2025	5.683.623.759
Khấu hao trong năm	2.066.772.276
Tại 31/12/2025	7.750.396.035
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2025	4.650.237.597
Tại 31/12/2025	2.583.465.321

5.12 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại 01/01/2025	60.382.713.193	670.130.000	61.052.843.193
Tăng trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2025	60.382.713.193	670.130.000	61.052.843.193
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2025	-	495.137.494	495.137.494
Khấu hao trong năm	-	125.412.996	125.412.996
Tại 31/12/2025	-	620.550.490	620.550.490
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2025	60.382.713.193	174.992.506	60.557.705.699
Tại 31/12/2025	60.382.713.193	49.579.510	60.432.292.703

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2025	-	43.065.000	43.065.000
Tại 31/12/2025	-	43.065.000	43.065.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang thể chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 60.382.713.193 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 60.382.713.193 VND) (xem thuyết minh 5.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.13 Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2025	23.710.115.909
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	23.710.115.909
Phân bổ lũy kế	
Tại ngày 01/01/2025	5.109.645.676
Phân bổ trong năm	2.362.562.048
Tại ngày 31/12/2025	7.472.207.724
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2025	18.600.470.233
Tại ngày 31/12/2025	16.237.908.185

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	87.556.054	87.556.054	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	1.855.763.953	1.855.763.953	851.763.953	851.763.953
Phải trả người bán khác				
Chi nhánh Công ty TNHH Honda Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	4.090.308.090	4.350.071.739	4.350.071.739	4.350.071.739
Công ty TNHH Thương mại Trọng Thị	53.880.000	53.880.000	53.880.000	53.880.000
Các nhà cung cấp khác	37.499.760	37.499.760	3.583.979	3.583.979
	6.125.007.857	6.125.007.857	5.259.299.671	5.259.299.671

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Global Green	-	132.000.000
Công ty Cổ phần Vajra Garden	-	34.615.385
Công ty TNHH Dược phẩm Pegasus	20.000.000	-
Các khách hàng khác	352.041.320	26.502.320
	372.041.320	193.117.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.16 Thuế và các khoản (phải thu), phải nộp Nhà nước

	01/01/2025		Phát sinh trong năm		31/12/2025	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp / Chuyển khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	60.342.903	-	5.523.183.376	(5.358.929.566)	224.596.713	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(2.931.520.483)	-	-	-	(2.931.520.483)
Thuế thu nhập cá nhân	32.490.727	(10.034.118)	261.681.411	(270.568.982)	17.046.666	(3.477.628)
Các loại thuế khác	-	-	23.000.000	(23.000.000)	-	-
	92.833.630	(2.941.554.601)	5.807.864.787	(5.652.498.548)	241.643.379	(2.934.998.111)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không chịu thuế, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.043.032.635)	(15.214.895.060)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	5.276.970.513	9.876.686.679
Các khoản điều chỉnh giảm	(167.575.251)	(178.706.923)
Thu nhập chịu thuế	(4.933.637.373)	(5.516.915.304)
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.610.476.378)	(590.239.838)
Thu nhập tính thuế	(6.544.113.751)	(6.107.155.142)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty Mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế với thuế suất thông thường là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	930.515.286	2.266.617.801

Các loại thuế khác

Công ty Mẹ và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	3.164.383	5.695.890
Chi phí thuê văn phòng	360.000.000	360.000.000
Các chi phí phải trả khác	184.937.350	123.000.000
	548.101.733	488.695.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Chênh lệch giá bán và thuê lại tài sản cao hơn giá trị hợp lý của Tài sản cố định	236.064.898	236.064.898
Cho thuê sản thương mại	31.818.182	-
Doanh thu khác	108.000.000	-
	375.883.080	236.064.898

5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác		
Chênh lệch giá bán và thuê lại tài sản cao hơn giá trị hợp lý của Tài sản cố định	59.016.218	295.081.118
	59.016.218	295.081.118

5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	796.168.600	614.723.166
Phải trả cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình	-	2.100.000.000
Bà Võ Trịnh Ngân Giang	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải trả khác	624.191.639	501.672.967
	1.570.360.239	3.366.396.133

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	402.900.000	276.900.000
	402.900.000	276.900.000

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (*)	68.462.718.018	68.462.718.018	87.622.034.621	87.622.034.621
Nợ thuê tài chính đến hạn trả				
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040
	69.862.718.058	69.862.718.058	89.022.034.661	89.022.034.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(*) Đây là khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang, mục đích khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay là 12 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các tài sản cố định, hàng hóa và các công nợ phải thu của Công ty con này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2025 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2025 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	87.622.034.621	302.906.393.852	-	(322.065.710.455)	68.462.718.018
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.400.000.040	-	1.400.000.040	(1.400.000.040)	1.400.000.040
	89.022.034.661	302.906.393.852	1.400.000.040	(323.465.710.495)	69.862.718.058

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM (*)	1.749.999.850	1.749.999.850	3.149.999.890	3.149.999.890
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(1.400.000.040)	(1.400.000.040)	(1.400.000.040)	(1.400.000.040)
	349.999.810	349.999.810	1.749.999.850	1.749.999.850

(*) Đây là khoản thuê tài chính dài hạn giữa Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 17/2022/CN.MN-CTTC (hợp đồng không hủy ngang) ngày 31/03/2022. Tài sản thuê là các máy móc thiết bị. Giá trị tài sản cho thuê là 11.367.247.492 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Lãi suất cho thuê tài chính áp dụng trong thời gian 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Định kỳ, lãi suất cho thuê tài chính điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ.

Mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/ phương án thuê tài chính của Công ty con. Địa điểm sử dụng tài sản thuê tài chính được đặt tại Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng ở Lô BII-1, BII-3, BII-5, BII-7 Khu Công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Hợp đồng không có tài sản đảm bảo, nhưng được Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) cam kết bảo lãnh thanh toán không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2025	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn	3.149.999.890	-	(1.400.000.040)	1.749.999.850
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(1.400.000.040)	(1.400.000.040)	1.400.000.040	(1.400.000.040)
	1.749.999.850	(1.400.000.040)	-	349.999.810

5.21 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2025	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	608.773.364	-	-	608.773.364
Quỹ phúc lợi	722.273.364	-	-	722.273.364
	1.331.046.728	-	-	1.331.046.728

5.22 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	16.843.170.805	15.912.655.519
	16.843.170.805	15.912.655.519

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

5.23 Vốn chủ sở hữu
5.23.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2024	272.999.900.000	2.889.093.455	(171.631.201.471)	21.207.350.451	125.465.142.435
Lợi nhuận trong năm	-	-	(11.619.617.983)	(5.861.894.878)	(17.481.512.861)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	36.334.204.726	34.086.715.345	70.420.920.071
Tại 31/12/2024	272.999.900.000	2.889.093.455	(146.916.614.728)	49.432.170.918	178.404.549.645
Tại 01/01/2025	272.999.900.000	2.889.093.455	(146.916.614.728)	49.432.170.918	178.404.549.645
Lợi nhuận trong năm	-	-	(8.806.917.473)	(2.166.630.448)	(10.973.547.921)
Tại 31/12/2025	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.723.532.201)	47.265.540.470	167.431.001.724

5.23.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty Mẹ là 272.999.900.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Ông Ngô Quang Tuấn	2.900.000	29.000.000.000	10,62	2.900.000	29.000.000.000	10,62
Bà Đào Thị Thơm	1.301.000	13.010.000.000	4,77	1.301.000	13.010.000.000	4,77
Các cổ đông khác	23.098.990	230.989.900.000	84,61	23.098.990	230.989.900.000	84,61
	27.299.990	272.999.900.000	100,00	27.299.990	272.999.900.000	100,00

5.23.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần

6.1.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	417.000.173.220	430.062.644.701
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.507.385.312	21.818.376.167
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	2.160.000.000	2.160.000.000
Doanh thu bán bất động sản đầu tư, tài sản mua sắm	-	30.170.000.000
Doanh thu khác	5.783.905	-
Các khoản giảm trừ:		
- Hàng bán bị trả lại	(291.306.165)	(266.062.209)
Doanh thu thuần	429.382.036.272	483.944.958.659

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Xuân Hòa	54.418.125	-
	54.418.125	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

6.2	Giá vốn hàng bán	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Giá vốn hàng bán của hàng hóa	385.734.416.083	403.819.747.605
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	539.547.848	-
	Giá vốn dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị	3.735.686.868	8.102.457.263
	Giá vốn bán bất động sản đầu tư, tài sản mua sắm	-	30.356.400.000
	(Hoàn nhập) / Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.817.573.925	(4.651.321.484)
		391.827.224.724	437.627.283.384
6.3	Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Lãi tiền gửi ngân hàng	926.561.059	772.329.821
	Lãi cho vay	57.373.151	355.627.392
	Lãi chậm thanh toán	720.000.000	-
		1.703.934.210	1.127.957.213
6.4	Chi phí tài chính	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	5.399.245.055	5.627.588.015
	Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	678.479.883
		5.399.245.055	6.306.067.898
6.5	Chi phí bán hàng	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Chi phí nhân viên bán hàng	19.128.285.941	17.805.095.080
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.514.530.624	1.632.663.264
	Chi phí thuê nhà, mặt bằng	2.906.879.962	3.447.695.408
	Chi phí khuyến mãi hỗ trợ khách hàng	825.223.193	1.480.245.810
	Chi phí vận chuyển	909.515.800	1.146.347.804
	Chi phí bán hàng khác	4.020.526.759	4.861.696.937
		29.304.962.279	30.373.744.303
6.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Chi phí nhân viên quản lý	5.449.900.117	3.947.882.258
	Chi phí đồ dùng văn phòng	50.528.077	74.635.431
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.055.891.679	3.128.544.308
	Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	10.000.000
	Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.362.562.048	2.362.562.048
	Trích lập/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng phải thu khó đòi	246.903.684	274.716.929
	Chi phí dịch vụ	1.366.953.132	1.954.274.746
	Chi phí thuê mặt bằng	3.386.000.000	12.720.000.000
	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.686.401.432	2.171.036.492
		17.614.140.169	26.643.652.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

6.7	Thu nhập khác	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Lãi từ thanh lý tài sản	1.909.090.909	-
	Thu nhập từ hỗ trợ nhà phân phối	463.605.651	539.600.000
	Thu nhập từ lãi chậm thanh toán	-	301.808.219
	Thu nhập từ phí hoa hồng	529.625.941	363.792.057
	Thu nhập khác	13.322.698	197.064.267
		2.915.645.199	1.402.264.543
6.8	Chi phí khác	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Các khoản phạt	65.000.000	241.031.160
	Chi phí phát sinh khi thanh lý hợp đồng cọc	-	675.616.438
	Chi phí khác	1.651.340	1.387.003
		66.651.340	918.034.601
6.9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty Mẹ	VND (8.806.917.473)	(11.619.617.983)
	Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND -	-
	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND (8.806.917.473)	(11.619.617.983)
	Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	CP 27.299.990	27.299.990
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP (323)	(426)
6.10	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
	Chi phí nhân công	24.578.186.058	21.752.977.338
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.542.174.071	4.761.207.572
	Chi phí trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng	246.903.684	274.716.929
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.422.820.319	20.748.563.768
	Chi phí khác	5.766.456.268	7.117.368.860
		44.556.540.400	54.654.834.467
7.	CÁC THÔNG TIN KHÁC		
7.1	Giao dịch và số dư với các bên liên quan		
	Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và các khoản thu nhập		
Ông Lý Thanh Nhã	873.371.401	199.686.399
Ông Võ Kim Nguyên	836.926.355	744.245.336
	1.710.297.756	943.931.735

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Tập đoàn có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Cung cấp dịch vụ	302.995.838	-
	Cho vay	-	600.000.000
	Hoàn trả tiền vay	100.000.000	600.000.000
	Chi phí thuê văn phòng	-	29.072.727
	Lãi cho vay	51.336.985	49.052.051
Công ty Cổ phần HB Pharma	Cho vay	160.000.000	-
	Lãi cho vay	6.036.166	299.178.081
	Chi hộ	1.158.000	8.720.783
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Mua hàng hoá dịch vụ	3.234.000.000	12.829.090.908
	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	9.720.000.000
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (Bên liên quan đến ngày 24/04/2025)	Cung cấp dịch vụ	-	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Pomax	Cho vay	11.700.000.000	-
	Trả tiền vay	8.000.000.000	-
	Lãi cho vay	101.275.000	-
	Thu lãi cho vay	80.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Lãi chậm thanh toán	720.000.000	-
	Thu tiền lãi chậm thanh toán	300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	54.418.125	-
Số dư với các bên liên quan:		31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Vũ Minh Hoàng	Phải thu ngắn hạn khác	7.550.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.000.000.000	8.301.808.219
	Phải thu ngắn hạn khác	721.808.219	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (Bên liên quan đến ngày 24/04/2025) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	586.129.167
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice Phải thu ngắn hạn của khách hàng	296.315.467	296.315.467
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang Phải thu ngắn hạn của khách hàng	782.832.255	782.832.255
Phải trả người bán ngắn hạn	1.855.763.953	851.763.953
Công ty Cổ phần HB Pharma Phải thu về cho vay ngắn hạn	160.000.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	2.501.280
Phải thu ngắn hạn khác	556.721.095	550.684.929
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư Phải thu về cho vay ngắn hạn	500.000.000	600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	11.342.466	8.284.931
Phải trả người bán ngắn hạn	87.556.054	-
Công ty Cổ phần Pomax Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.700.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	21.275.000	-

7.2 Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ, cho thuê VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	426.921.504.864	-	2.460.531.408	429.382.036.272
Giá vốn bộ phận	(387.551.990.008)	-	(4.275.234.716)	(391.827.224.724)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.369.514.856	-	(1.814.703.308)	37.554.811.548
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(46.919.102.448)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(9.364.290.900)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.703.934.210
Chi phí tài chính				(5.399.245.055)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				167.575.251
Thu nhập khác				2.915.645.199
Chi phí khác				(66.651.340)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(930.515.286)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(10.973.547.921)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ, cho thuê VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	451.614.958.659	-	32.330.000.000	483.944.958.659
Giá vốn bộ phận	(403.349.592.721)	-	(34.277.690.663)	(437.627.283.384)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	48.265.365.938	-	(1.947.690.663)	46.317.675.275
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(57.017.396.515)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(10.699.721.240)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.127.957.213
Chi phí tài chính				(6.306.067.898)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				178.706.923
Thu nhập khác				1.402.264.543
Chi phí khác				(918.034.601)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(2.266.617.801)
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(17.481.512.861)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, vì hoạt động đều diễn ra khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

7.3 Nợ tiềm tàng

Vào ngày 22 tháng 01 năm 2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (gọi tắt là "Ladophar") gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (công ty con) (gọi tắt "Louis AMC") thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động từ Louis AMC với tổng số tiền là 483.325.000 VND bằng hình thức cần trừ công nợ.

Đồng thời, Ladophar cũng thông báo đến Louis AMC việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quý 1/2024 cho 11 máy trả, máy sấy vi sóng chân không và vi sóng băng tải dự kiến tổng chi phí là 282.631.000 VND.

Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25 tháng 01 năm 2024, Louis AMC đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng năm 2022 và 2023, bên cạnh đó Louis AMC chưa thống nhất được chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Louis AMC có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Tập đoàn không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2025) cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


TRẦN THỊ THANH LOAN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng


VÕ KIM NGUYÊN
Phó Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT *ay*



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP



Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh



(028) 7777 9999



info@thegoldengroup.vn



<https://thegoldengroup.vn/>

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THE
GOLDEN
GROUP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN THE GOLDEN GROUP
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN THE GOLDEN
GROUP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:0105787835
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.18 11:10:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1